

LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 185

LUẬN VỀ NHẤT HÀNH (Phần 3)

Nếu tu Không thì đó là Vô nguyện chăng? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì ngăn chặn sự gạt bỏ không có hai đời quá khứ-vị lai, và ý nói không có tu thuộc vị lai, muốn hiển bày là có hai đời quá khứ-vị lai, cũng có tu thuộc vị lai, cho nên soạn ra phần luận này.

Tu có bốn loại:

1. Tu đạt được.
2. Tu luyện tập.
3. Tu đối trị.
4. Tu loại bỏ.

Trong này dựa vào hai loại tu mà soạn luận, đó là tu đạt được và tu luyện tập.

Hỏi: Nếu tu Không thì lúc ấy tu Vô nguyện chăng? Giả sử tu Vô nguyện thì lúc ấy tu Không chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc tu Không mà không phải là tu Vô nguyện, đó là đã đạt được Không hiện rõ ở trước mắt. Bởi vì đây là pháp mà Đức Phật hoặc là Độc giác-Thanh văn dùng làm nơi an trú trong niềm vui của pháp hiện tại, cho nên khởi lên đã đạt được Tam-ma-địa Không hiện rõ ở trước mắt. Lúc bấy giờ thế lực của pháp ấy hãy còn không bằng sát-na không gián đoạn thuộc chủng loại của mình, huống gì có thể tu công đức vị lai nào khác, nhưng mà phần vị hiện rõ trước mắt tức là tu luyện tập.

2. Có lúc tu Vô nguyện mà không phải là tu Không, đó là đã đạt được Vô nguyện hiện rõ ở trước mắt, nếu chưa đạt được Vô nguyện hiện rõ ở trước mắt thì không tu Không.

Đã đạt được Vô nguyện hiện rõ ở trước mắt, giải thích như trước.

Chưa đạt được Vô nguyện hiện rõ ở trước mắt thì không tu Không, đó là trong Kiến đạo thì Hiện quán về Tập trong bốn tâm, Hiện quán về Đạo trong ba tâm. Bởi vì trong Kiến đạo là đối trị quyết định và đều là đối trị không giống nhau, cho nên không khác với tu về Đế.

3. Có lúc tu cả hai loại, đó là chưa đạt được Không hiện rõ ở trước mắt, nếu chưa đạt được Vô nguyện hiện rõ ở trước mắt thì tu Không, nếu chưa đạt được Vô tướng và chưa đạt được Thế tục trí hiện rõ ở trước mắt thì tu Không-Vô nguyện.

Chưa đạt được Không hiện rõ ở trước mắt, đó là dựa vào Tam-ma-địa Không, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong bốn tâm.

Nếu dựa vào Tam-ma-địa Không, lìa nhiệm của cõi Dục cho đến nhiệm của Vô sở hữu xứ, hoặc là dùng Không làm gia hạnh, thì lúc ấy là tất cả đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát; và lìa nhiệm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, trừ ra đạo giải thoát cuối cùng.

Nếu dựa vào Tam-ma-địa Không, Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, hoặc là dùng Không làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát; và Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, trừ ra đạo giải thoát cuối cùng.

Nếu dựa vào Tam-ma-địa Không, tu xen lẫn Tĩnh lự trong tâm đầu và tâm sau.

Nếu dựa vào Tam-ma-địa Không, khởi lên Niệm trú-Vô sắc-Giải thoát, Nghĩa-Biện vô ngại giải; có người nói: Chỉ riêng Nghĩa vô ngại giải.

Những lúc như vậy, chưa đạt được Không hiện rõ ở trước mắt thì cũng tu Vô nguyện.

Chưa đạt được Vô nguyện hiện rõ ở trước mắt thì tu Không, đó là dựa vào Tam-ma-địa Vô nguyện, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong bốn tâm, lúc Đạo loại trí hiện khởi.

Nếu dựa vào Vô nguyện, lìa nhiệm của cõi Dục cho đến nhiệm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, hoặc là Vô nguyện làm gia hạnh, thì lúc ấy là tất cả đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát.

Nếu dựa vào Vô nguyện, Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, hoặc là Vô nguyện làm gia hạnh, thì lúc ấy là tất cả đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát.

Nếu dựa vào Vô nguyện, tu xen lẫn Tĩnh lự trong tâm đầu và tâm sau.

Nếu khởi lên Tha tâm trí thông vô lậu.

Nếu dựa vào Vô nguyện, khởi lên Niệm trú-Vô sắc-Giải thoát, Nghĩa-Biện vô ngại giải.

Những lúc như vậy, chưa đạt được Vô nguyện hiện rõ ở trước mắt thì cũng tu Không.

Chưa đạt được Vô tướng hiện rõ ở trước mắt thì tu Không-Vô nguyện, trong Kiến đạo không có, ở trong Tu đạo-đạo Vô học.

Nếu dựa vào Vô tướng, lia nhiễm của cõi Dục cho đến nhiễm của Vô sở hữu xứ, hoặc là Vô tướng làm gia hạnh, thì lúc ấy là tất cả đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát; và lia nhiễm của Phi tướng phi phi tướng xứ, trừ ra đạo giải thoát cuối cùng.

Nếu dựa vào Vô tướng, Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, hoặc là Vô tướng làm gia hạnh, thì lúc ấy là tất cả đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát; và Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, trừ ra đạo giải thoát cuối cùng.

Nếu dựa vào Vô tướng, tu xen lẫn Tĩnh lự trong tâm đầu và tâm sau.

Nếu dựa vào Vô tướng, khởi lên Niệm trú-Vô sắc-Giải thoát, Nghĩa vô ngại giải.

Những lúc như vậy, chưa đạt được Vô tướng hiện rõ ở trước mắt thì tu Không-Vô nguyện.

Chưa đạt được Thế tục trí hiện rõ ở trước mắt thì tu Không-Vô nguyện, đó là Thánh giả dùng đạo thế tục lia nhiễm của cõi Dục cho đến nhiễm của Vô sở hữu xứ, hoặc là đạo thế tục làm gia hạnh, thì lúc ấy là tất cả đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát; và lia nhiễm của Phi tướng phi phi tướng xứ, và Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, dùng đạo thế tục làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh.

Tu xen lẫn Tĩnh lự trong tâm trung gian, dẫn dắt phát khởi năm Thông, là các đạo gia hạnh-năm đạo vô gián-hai đạo giải thoát; và Tha tâm trí thông hữu lậu, là đạo giải thoát.

Khởi lên Vô lượng-Giải thoát thế tục-Thắng xứ-Biến xứ, quán Bất tịnh-Trì tức niệm, Niệm trú thế tục, bảy Xứ thiện-ba Nghĩa quán, Vô ngại giải thế tục, Vô tranh-Nguyện trí-Biên tế trí, Không Không, Vô nguyện Vô nguyện, Vô tướng Vô tướng, tiến vào Định Diệt tận, Tướng-Tâm vi tế.

Những lúc như vậy, chưa đạt được Thế tục trí hiện rõ ở trước mắt thì tu Không-Vô nguyện.

4. Có lúc không tu cả hai loại, đó là đã đạt được Vô tướng hiện rõ ở trước mắt, nếu chưa đạt được Vô tướng hiện rõ ở trước mắt thì không tu Không-Vô nguyện, nếu đã đạt được Thế tục trí hiện rõ ở trước mắt, nếu chưa đạt được Thế tục trí hiện rõ ở trước mắt thì không tu Không-Vô nguyện, tất cả dị sinh-tâm nhiễm ô-tâm vô ký, ở trong Định Vô tướng-Định Diệt tận, sinh cõi trời Vô Tướng.

Đã đạt được Vô tướng hiện rõ ở trước mắt, giải thích như trước.

Chưa đạt được Vô tướng hiện rõ ở trước mắt thì không tu Không-Vô nguyện, đó là trong Kiến đạo, Hiện quán về Diệt trong bốn tâm; không tu Không-Vô nguyện, giải thích như trước.

Đã đạt được Thế tục trí hiện rõ ở trước mắt, giải thích như trước.

Chưa đạt được Thế tục trí hiện rõ ở trước mắt thì không tu Không-Vô nguyện, đó là Thánh giả dùng Tuệ do Văn-Tư mà thành, tiến vào Định Diệt tận, tâm Vi vi.

Tất cả dị sinh, đó là trong này đã nói đến ba Tam-ma-địa chỉ riêng vô lậu, bởi vì dị sinh đều không có cho nên không có nghĩa của tu.

Tâm nhiễm ô, đó là bởi vì tâm nhiễm ô là tánh thuận phần lui sụt, tâm tương ứng với nặng nề lười nhác; phải là tánh thuận phần thăng tiến, tâm tương ứng với nhẹ nhàng tinh tiến thì mới có thể tu được.

Tâm vô ký, đó là bởi vì tâm vô ký không vững chắc, không tồn tại, không thật sự, yếu kém như hạt giống mục ruỗng; phải là tâm vững chắc-tồn tại-thật sự-mạnh mẽ, thì mới có thể tu được.

Ở trong Định Vô tướng-Định Diệt tận, đó là bởi vì hai Định ấy không có tâm, phải là phần vị có tâm thì mới có thể tu được.

Sinh cõi trời Vô Tướng, có người nói: Sinh ở cõi trời ấy ở tất cả mọi lúc, không khởi lên tâm thiện.

Có người nói: Sinh cõi trời ấy tuy khởi lên tâm thiện mà không phải là nơi nương tựa của tu.

Tuy trước đã ngăn chặn tất cả dị sinh, mà còn ngăn chặn Định Vô tướng và cõi trời Vô tướng, bởi vì cõi trời ấy là nơi mà thế tục tôn sùng, cho nên ngỡ rằng là có tu.

Những lúc như vậy, không tu Không và Vô nguyện.

Hỏi: Nếu tu Không thì lúc ấy tu Vô tướng chẳng? Giả sử tu Vô tướng thì lúc ấy tu Không chẳng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc tu Không mà không phải là tu Vô tướng, đó là đã đạt được Không hiện rõ ở trước mắt, nếu chưa đạt được Không hiện rõ ở trước mắt thì không tu Vô tướng, nếu chưa đạt được Vô nguyện hiện rõ

ở trước mắt thì tu Không chứ không phải là Vô tướng.

Đã đạt được Không hiện rõ ở trước mắt, giải thích như trước.

Chưa đạt được Không hiện rõ ở trước mắt thì không tu Vô tướng, đó là dựa vào Tam-ma-địa Không, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong bốn tâm.

Chưa đạt được Vô nguyện hiện rõ ở trước mắt thì tu Không chứ không phải là Vô tướng, đó là dựa vào Vô nguyện, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong bốn tâm.

2. Có lúc tu Vô tướng mà không phải là tu Không, đó là đã đạt được Vô tướng hiện rõ ở trước mắt, nếu chưa đạt được Vô tướng hiện rõ ở trước mắt thì không tu Không.

Đã đạt được Vô tướng hiện rõ ở trước mắt, giải thích như trước.

Chưa đạt được Vô tướng hiện rõ ở trước mắt thì không tu Không, đó là trong Kiến đạo thì Hiện quán về Diệt trong bốn tâm.

3. Có lúc tu cả hai loại, đó là chưa đạt được Không hiện rõ ở trước mắt thì tu Vô tướng, nếu chưa đạt được Vô tướng hiện rõ ở trước mắt thì tu Không, nếu chưa đạt được Vô nguyện và chưa đạt được Thế tục trí hiện rõ ở trước mắt thì tu Không-Vô tướng.

Chưa đạt được Không hiện rõ ở trước mắt thì tu Vô tướng, đó là dựa vào Tam-ma-địa Không, lìa nhiệm của cõi Dục cho đến nhiệm của Vô sở hữu xứ, nói rộng ra như gồm tu Vô nguyện ở trước.

Chưa đạt được Vô tướng hiện rõ ở trước mắt thì tu Không, đó là dựa vào Tam-ma-địa Vô tướng, lìa nhiệm của cõi Dục cho đến nhiệm của Vô sở hữu xứ, hoặc là Vô tướng làm gia hạnh, thì lúc ấy là tất cả đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát; và lúc lìa nhiệm của Phi tướng phi phi tướng xứ, trừ ra đạo giải thoát cuối cùng.

Nếu dựa vào Vô tướng, Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, dùng Vô tướng làm gia hạnh, thì lúc ấy là đạo gia hạnh-vô gián-giải thoát; và Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, trừ ra đạo giải thoát cuối cùng.

Nếu dựa vào Vô tướng, tu xen lẫn Tĩnh lự trong tâm đầu và tâm sau.

Nếu dựa vào Vô tướng, khởi lên Niệm trú-Vô sắc-Giải thoát, Nghĩa vô ngại giải.

Những lúc như vậy, chưa đạt được Vô tướng hiện rõ ở trước mắt thì cũng tu Không.

Chưa đạt được Vô nguyện hiện rõ ở trước mắt thì tu Không-Vô tướng, đó là lúc Đạo loại trí.

Nếu dựa vào Tam-ma-địa Vô nguyện, lìa nhiệm của cõi Dục cho đến nhiệm của Phi tướng phi phi tướng xứ, nói rộng ra như gồm tu Không ở trước.

Chưa đạt được Thế tục trí hiện rõ ở trước mắt thì tu Không-Vô tướng, đó là Thánh giả dùng đạo thế tục lìa nhiệm của cõi Dục cho đến nhiệm của Vô sở hữu xứ, nói rộng ra như gồm tu Không-Vô nguyện ở trước.

4. Có lúc không tu cả hai loại, đó là đã đạt được Vô nguyện hiện rõ ở trước mắt, nếu chưa đạt được Vô nguyện hiện rõ ở trước mắt thì không tu Không-Vô tướng, nếu đã đạt được Thế tục trí hiện rõ ở trước mắt, nếu chưa đạt được Thế tục trí hiện rõ ở trước mắt thì không tu Không-Vô tướng, tất cả dị sinh-tâm nhiễm ô-tâm vô ký, ở trong Định Vô tướng-Định Diệt tận, sinh cõi trời Vô Tướng.

Đã đạt được Vô nguyện hiện rõ ở trước mắt, giải thích như trước.

Chưa đạt được Vô nguyện hiện rõ ở trước mắt thì không tu Không-Vô tướng, đó là trong Kiến đạo, Hiện quán về Tập trong bốn tâm, Hiện quán về Đạo trong ba tâm.

Đã đạt được Thế tục trí hiện rõ ở trước mắt, giải thích như trước.

Chưa đạt được Thế tục trí hiện rõ ở trước mắt thì không tu Không-Vô tướng, đó là Thánh giả dùng Tuệ do Văn-Tư mà thành, tiến vào Định Diệt tận, tâm Vi vi.

Tất cả dị sinh cho đến sinh cõi trời Vô tướng, giải thích như trước.

Hỏi: Nếu tu Vô nguyện thì lúc ấy tu Vô tướng chăng? Giả sử tu Vô tướng thì lúc ấy tu Vô nguyện chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc tu Vô nguyện mà không phải là Vô tướng, đó là đã đạt được Vô nguyện hiện rõ ở trước mắt, nếu chưa đạt được Vô nguyện hiện rõ ở trước mắt và chưa đạt được Không hiện rõ ở trước mắt thì không tu Vô tướng.

Đã đạt được Vô nguyện hiện rõ ở trước mắt, giải thích như trước.

Chưa đạt được Vô nguyện hiện rõ ở trước mắt thì không tu Vô tướng, đó là dựa vào Tam-ma-địa Vô nguyện, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong bốn tâm, Hiện quán về Tập trong bốn tâm, Hiện quán về Đạo trong ba tâm.

Chưa đạt được Không hiện rõ ở trước mắt thì không tu Vô tướng, đó là dựa vào Tam-ma-địa Không, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong bốn tâm.

2. Có lúc tu Vô tướng mà không phải là Vô nguyện, đó là đã đạt được Vô tướng hiện rõ ở trước mắt, nếu chưa đạt được Vô tướng hiện rõ ở trước mắt thì không tu Vô nguyện.

Đã đạt được Vô tướng hiện rõ ở trước mắt, giải thích như trước.

Chưa đạt được Vô tướng hiện rõ ở trước mắt thì không tu Vô nguyện, đó là trong Kiến đạo, Hiện quán về Diệt trong bốn tâm.

3. Có lúc tu cả hai loại, đó là chưa đạt được Vô nguyện hiện rõ ở trước mắt thì tu Vô tướng, nếu chưa đạt được Vô tướng hiện rõ ở trước mắt thì tu Vô nguyện, nếu chưa đạt được Không và chưa đạt được Thế tục trí hiện rõ ở trước mắt thì tu Vô nguyện-Vô tướng. Câu này tùy theo sự thích hợp, giải thích rộng ra như trước.

4. Có lúc không tu cả hai loại, đó là đã đạt được Không và đã đạt được Thế tục trí hiện rõ ở trước mắt, nếu chưa đạt được Thế tục trí hiện rõ ở trước mắt thì không tu Vô nguyện-Vô tướng, tất cả dị sinh-tâm nhiễm ô-tâm vô ký, ở trong Định Vô tướng-Định Diệt tận, sinh cõi trời Vô Tướng. Câu này cũng tùy theo sự thích hợp, giải thích rộng ra như trước.

Có thể có kiết do Không mà đoạn chứ không phải là Vô nguyện-Vô tướng chăng? Cho đến nói rộng ra.

Có hai loại quyết định:

1. Đối trị quyết định.

2. Tác dụng quyết định.

Trong này, dựa vào đối trị quyết định mà soạn luận chứ không phải là tác dụng quyết định. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì không có đạo lý về hai Tam-ma-địa có tác dụng cùng lúc, huống gì có ba?

Hỏi: Có thể có kiết do Không mà đoạn chứ không phải là Vô nguyện-Vô tướng chăng?

Đáp: Không có, bởi vì không có chủng loại của kiết chỉ là do Không mà đối trị như vậy.

Hỏi: Có thể có kiết do Vô nguyện mà đoạn chứ không phải là Không-Vô tướng chăng?

Đáp: Có, đó là Vô nguyện đoạn kiết do kiến Tập-kiến Đạo mà đoạn, bởi vì kiết ấy chỉ là do Vô nguyện mà đối trị.

Hỏi: Có thể có kiết do Vô tướng mà đoạn chứ không phải là Không-Vô nguyện chăng?

Đáp: Có, đó là Vô tướng đoạn kiết do kiến Diệt mà đoạn, bởi vì kiết ấy chỉ là do Vô tướng mà đối trị.

Hỏi: Có thể có kiết do Không-Vô nguyện mà đoạn chứ không

phải là Vô tướng chăng?

Đáp: Có, đó là Không-Vô nguyện đoạn kiết do kiến Khổ mà đoạn, bởi vì kiết ấy chỉ là do Không-Vô nguyện mà đối trị.

Hỏi: Có thể có kiết do Không-Vô tướng mà đoạn chứ không phải là Vô nguyện chăng?

Đáp: Không có, bởi vì không có chủng loại của kiết chỉ là do Không-Vô tướng mà đối trị chứ không phải là Vô nguyện như vậy.

Hỏi: Có thể có kiết do Vô nguyện-Vô tướng mà đoạn chứ không phải là Không chăng?

Đáp: Không có, bởi vì không có chủng loại của kiết chỉ là do Vô nguyện-Vô tướng mà đối trị chứ không phải là Không như vậy.

Hỏi: Có thể có kiết do Không-Vô nguyện-Vô tướng mà đoạn chăng?

Đáp: Có, đó là Không-Vô nguyện-Vô tướng đoạn kiết do Tu mà đoạn của Học thấy dấu tích, tức là kiết do Tu mà đoạn của ba cõi thuộc phần vị Thánh giả, bởi vì kiết ấy là do ba Tam-ma-địa mà đối trị.

Hỏi: Có thể có kiết không phải là do Không-Vô nguyện-Vô tướng mà đoạn, nhưng là đã đoạn chăng?

Đáp: Có, đó là kiết đã đoạn của dị sinh, tức là kiết do Kiến-Tu mà đoạn của các dị sinh cõi Dục cho đến Vô sở hữu xứ, bởi vì là kiết do đạo thế tục mà đối trị.

Hỏi: Kiết ấy lẽ nào không phải là do Không-Vô nguyện-Vô tướng mà đối trị hay sao?

Đáp: Là do Không-Vô nguyện-Vô tướng mà đối trị, nhưng ở Thánh giả chứ không phải là dị sinh, bởi vì kiết ấy ở dị sinh cho nên nói không phải là do Không-Vô nguyện-Vô tướng mà đoạn.

Có người nói: Trước dựa vào đối trị quyết định mà soạn luận, nay dựa vào tác dụng quyết định để soạn luận, bởi vì trong sự nối tiếp nhau của dị sinh thì ba Tam-ma-địa chắc chắn không có tác dụng, cho nên nói kiết ấy không phải là do Không-Vô nguyện-Vô tướng mà đoạn.

Hỏi: Nếu như vậy thì trong sự nối tiếp nhau của Thánh giả từ cõi Dục cho đến Vô sở hữu xứ, kiết do Tu mà đoạn cũng do đạo thế tục mà đoạn, vì sao chỉ nói là do Không-Vô nguyện-Vô tướng mà đoạn?

Đáp: Văn trước nên nói kiết ấy cũng là do đạo thế tục mà đoạn, nhưng không nói đến là có ý gì vậy? Nên biết rằng đạo vô lậu do Thánh giả mà hiển bày cho nên không nói đến đạo thế tục, dị sinh không có đạo vô lậu cho nên dựa vào đạo thế tục mà nói, vì vậy trước đây nói không có lỗi.

Thế nào là tác ý tiến vào Chánh tánh ly sinh? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày về nghĩa lý của mình. Đó là hoặc có người nói: Ba Tam-ma-địa tùy theo một loại đều có thể tiến vào Chánh tánh ly sinh. Nay ngăn chặn ý đó để hiển bày chỉ có hai Tam-ma-địa tùy theo một loại có thể tiến vào, mà không phải là Vô tướng, cho nên soạn ra phần luận này.

Hoặc lại có người nói: Chỉ riêng Tam-ma-địa Vô tướng có thể tiến vào Chánh tánh ly sinh. Như cách nói của Bộ phái Đạt-ma-cúc-đa, họ nói dùng Tam-ma-địa Vô tướng đối với Niết-bàn khởi lên tác ý vắng lặng tiến vào Chánh tánh ly sinh. Bởi vì ngăn chặn ý chấp ấy để hiển bày chỉ riêng Tam-ma-địa Vô tướng không có thể tiến vào Chánh tánh ly sinh, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Thế nào là tác ý tiến vào Chánh tánh ly sinh?

Đáp: Hoặc là Vô thường, hoặc là Khổ, hoặc là Không, hoặc là Vô ngã. Bởi vì đây là ngăn chặn ý chấp ba Tam-ma-địa và chỉ riêng Vô tướng có thể tiến vào Chánh tánh ly sinh.

Trong này, tác ý về Vô thường-Khổ tương ứng với Tam-ma-địa Vô nguyện, tác ý về Không-Vô ngã tương ứng với Tam-ma-địa Không.

Hỏi: Vì sao chỉ có hành tướng này tiến vào Chánh tánh ly sinh chứ không phải là hành tướng nào khác?

Đáp: Tiến vào Chánh tánh ly sinh có hai loại:

1. Hành thuộc Ái.
2. Hành thuộc Kiến.

Hành thuộc Ái thì tiến vào nhờ Vô nguyện, hành thuộc Kiến thì tiến vào nhờ Không. Bồ-tát tuy là hành thuộc Ái mà có thể dựa vào Không để tiến vào Chánh tánh ly sinh.

Hành thuộc Ái lại có hai loại, đó là tăng thêm Ngã mạn, tăng thêm lười nhác. Tăng thêm Ngã mạn thì dùng hành tướng Vô thường để tiến vào, tăng thêm lười nhác thì dùng hành tướng Khổ để tiến vào.

Hành thuộc Kiến cũng có hai loại, đó là tăng thêm Ngã kiến, tăng thêm Ngã sở kiến. Tăng thêm Ngã kiến thì dùng hành tướng Vô ngã để tiến vào, tăng thêm Ngã sở kiến thì dùng hành tướng Không để tiến vào. Vì thế cho nên chỉ đưa ra bốn hành tướng này.

Hỏi: Bốn hành tướng này tương ứng với pháp ở phần vị nào?

Đáp: Có người nói: Tương ứng với Thế đệ nhất pháp, bởi vì nói tiến vào Chánh tánh ly sinh.

Có người nói: Tương ứng với Khổ pháp trí nhãn.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao nói là tiến vào (nhập)?

Đáp: Đây là nói đã tiến vào gọi là tiến vào, đối với gần mà nói theo thanh xa; như nói Đại Vương từ nơi nào đến, đó là đối với đã đến gọi là đến, ở đây cũng như vậy.

Hỏi: Lúc bấy giờ cũng có tâm sở pháp khác, vì sao chỉ nói đến tác ý?

Đáp: Bởi vì chỉ riêng tác ý mới có thể dẫn dắt phát khởi tâm-tâm sở.

Có người nói: Bởi vì tác ý là tùy thuận nhất đối với tiến vào Chánh tánh ly sinh.

Tư duy về hành hệ thuộc nơi nào để tiến vào Chánh tánh ly sinh? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Cần phải ngăn chặn cách nói của Tôn giả Đạt-ma-đát-la-đa cho rằng cùng lúc tư duy về hành của ba cõi để tiến vào Chánh tánh ly sinh, và bởi vì ngăn chặn ý nói tư duy về Niết-bàn để tiến vào Chánh tánh ly sinh, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Tư duy về hành hệ thuộc nơi nào để tiến vào Chánh tánh ly sinh?

Đáp: Hệ thuộc cõi Dục, bởi vì đây là ngăn chặn hai ý chấp như trước.

Hỏi: Vì sao chỉ tư duy về hành hệ thuộc cõi Dục để tiến vào Chánh tánh ly sinh?

Đáp: Bởi vì khổ của cõi Dục biểu hiện thô thiển, đang thấy, dễ dàng quán sát.

Có người nói: Bởi vì khổ của cõi Dục là sự nối tiếp nhau của nơi ấy đang thành tựu.

Có người nói: Bởi vì hành hệ thuộc cõi Dục có đủ ba loại khổ, là vì A-tỳ-đạt-ma nói quán về các hành thuộc ba loại khổ mà tiến vào Chánh tánh ly sinh, chứ không phải là như phái Thí Dụ chỉ nói quán về các hành thuộc hành khổ mà tiến vào Chánh tánh ly sinh.

Trong này, các hành không vừa ý gọi là Khổ khổ, các hành vừa ý gọi là Hoại khổ, các hành thuận theo buông xả gọi là Hành khổ.

Có người nói: Bởi vì khổ của cõi Dục đang là sự bức não vô cùng chán ngán đối với người tu hành, cho nên trước phải quán sát điều ấy để tiến vào Chánh tánh ly sinh.

Hỏi: Niết-bàn cũng là sự vui mừng vô cùng, vì sao không quán sát

điều ấy để tiến vào Chánh tánh ly sinh?

Đáp: Tâm của các loài hữu tình chán ngán đối với khổ đau mạnh hơn chứ không phải là mừng vui đối với Niết-bàn. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì đang bị bức bách phiền muộn, không hiện thấy rõ ràng, như các hữu tình không có ai không sợ khổ đau nhưng có người không ham vui sướng.

Hỏi: Sau khi duyên với Nhẫn thuộc Đế nào thì có thể tiến vào Chánh tánh ly sinh?

Đáp: Có người nói: Duyên với Đạo đế.

Nói như vậy thì duyên với Khổ đế. Nói rộng ra như phẩm thú nhất trong chương Tạp Uẩn.

Hỏi: Tận trí nên nói là Niệm trú đối với Thân thuận theo Thân quán sát chăng? Cho đến nên nói là Niệm trú đối với Pháp thuận theo Pháp quán sát chăng?

Đáp: Tận trí nên nói hoặc là Niệm trú đối với Thân thuận theo Thân quán sát, hoặc là Niệm trú đối với Thọ-hoặc là đối với Tâm-hoặc là đối với Pháp thuận theo Pháp quán sát. Như Tận trí, Vô sinh trí cũng như vậy.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì làm cho người nghi ngờ có được quyết định. Đó là có người sinh lòng nghi ngờ như vậy: Tận trí-Vô sinh trí bởi vì không phải là tánh thuộc Kiến, cho nên lẽ ra cũng không phải là tánh thuộc Niệm trú? Nay cần phải quyết định trình bày về hai trí này, tuy không phải là tánh thuộc Kiến, mà chính là Niệm trú, cho nên soạn ra phần luận này.

Lại nữa, trong chương Kiến Uẩn phân biệt về Niệm trú thuộc tự tánh của Kiến, trong chương Định Uẩn này phân biệt về Niệm trú thuộc tự tánh không phải là Kiến, cho nên soạn ra phần luận này.

Lại nữa, trong địa gia hạnh nói tu Niệm trú, bởi vì có Nhân này, đó là địa Vô học không có Niệm trú. Nay muốn trình bày trong địa Vô học có Niệm trú, cho nên soạn ra phần luận này.

Lại nữa, trong kinh nói Tận trí-Vô sinh trí, duyên với sinh và thân đời sau làm cảnh, bởi vì có Nhân này, đó là hai trí ấy chỉ duyên với sinh và đời sau. Nay muốn hiển bày hai trí ấy duyên với tất cả các pháp, chỉ trừ ra Hư không và Phi trạch diệt, cho nên soạn ra phần luận này.

Lại nữa, có người chấp Tận trí-Vô sinh trí chỉ duyên chung với năm uẩn. Nay ngăn chặn ý chấp ấy để hiển bày Tận trí-Vô sinh trí, hoặc là duyên chung với năm uẩn, hoặc là duyên riêng biệt, cho nên soạn ra

phần luận này.

Tận trí nên nói hoặc là Niệm trú đối với Thân thuận theo Thân quán sát, đó là duyên với Sắc uẩn; hoặc là Niệm trú đối với Thọ thuận theo Thọ quán sát, đó là duyên với Thọ uẩn; hoặc là Niệm trú đối với Tâm thuận theo Tâm quán sát, đó là duyên với Thức uẩn; hoặc là Niệm trú đối với Pháp thuận theo Pháp quán sát, đó là duyên với Tưởng uẩn-Hành uẩn và Trạch diệt. Đây là nói về Pháp niệm trú duyên không xen tạp.

Nếu Pháp niệm trú duyên xen tạp, thì đối với năm uẩn, hoặc là hai loại duyên với hai loại, hoặc là ba loại duyên với ba loại, hoặc là bốn loại duyên với bốn loại, hoặc là năm loại duyên chung với nhau.

Hai loại duyên với hai loại, đó là Sắc duyên Thọ, Sắc duyên Tưởng, Sắc duyên Hành, Sắc duyên Thức, Thọ duyên Tưởng, Thọ duyên Hành, Thọ duyên Thức, Tưởng duyên Hành, Tưởng duyên Thức, Hành duyên Thức.

Ba loại duyên với ba loại, đó là Sắc-Thọ-Tưởng duyên nhau, Sắc-Thọ-Hành duyên nhau, Sắc-Thọ-Thức duyên nhau, Sắc-Tưởng-Thức duyên nhau, Sắc-Hành-Thức duyên nhau, Thọ-Tưởng-Hành duyên nhau, Thọ-Tưởng-Thức duyên nhau, Thọ-Hành-Thức duyên nhau, Tưởng-Hành-Thức duyên nhau.

Bốn loại duyên với bốn loại, đó là Sắc-Thọ-Tưởng-Hành duyên nhau, Sắc-Thọ-Tưởng-Thức duyên nhau, Sắc-Thọ-Hành-Thức duyên nhau, Sắc-Tưởng-Hành-Thức duyên nhau, Thọ-Tưởng-Hành-Thức duyên nhau.

Năm loại duyên chung với nhau, đó là Sắc-Thọ-Tưởng-Hành-Thức, tất cả duyên chung với nhau.

Trạch diệt-Vô vi ấy nếu là Pháp niệm trú hữu lậu, thì cũng duyên kết hợp với pháp khác như Sắc... Trong này đã nói đều là vô lậu, cho nên chỉ là duyên không xen tạp.

Hỏi: Các niềm vui (lạc) vô lậu của Tĩnh lự thứ nhất, các niềm vui của Khinh an đẳng giác chi, hai loại này có gì sai biệt?

Đáp: Không có sai biệt.

Hỏi: Các niềm vui vô lậu của Tĩnh lự thứ hai, các niềm vui của Khinh an đẳng giác chi, hai loại này có gì sai biệt?

Đáp: Không có sai biệt.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì ngăn chặn ý nói là hai Tĩnh lự đều có Lạc căn vô lậu, hiển bày về hai địa ấy không có Lạc căn vô lậu, cho nên soạn ra phần

luận này.

Nếu có thì không nên trả lời rằng hai loại này không có sai biệt. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì niềm vui của Khinh an đẳng giác chi, lấy Khinh an trong pháp Đại thiện địa làm tự tánh; Lạc căn vô lậu lấy Thọ trong pháp Đại địa làm tự tánh. Lại nữa, niềm vui của Khinh an đẳng giác chi thuộc về Hành uẩn, Lạc căn vô lậu thuộc về Thọ uẩn, như vậy hai niềm vui sẽ có sai biệt, mà nói là không có sai biệt, cho nên biết niềm vui vô lậu của hai địa ấy tức là niềm vui Khinh an. Vì thế cho nên Lạc căn vô lậu không phải là địa ấy vốn có.

Nếu từ Đẳng trì rời ra (xuất) thì đó là sở duyên chẳng? Cho đến nói rộng ra.

Rời ra có năm loại:

1. Địa.
2. Hành tướng.
3. Sở duyên.
4. Tâm khác loại.
5. Sát na.

Trong này, chỉ dựa vào hai loại rời ra mà soạn luận, đó là địa và sở duyên.

Hỏi: Nếu từ Đẳng trì rời ra thì đó là sở duyên chẳng? Giả sử từ sở duyên rời ra thì đó là Đẳng trì chẳng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc từ Đẳng trì rời ra mà không phải là sở duyên, đó là như có một người tư duy về tướng này tiến vào Tĩnh lực thứ nhất, người ấy lại tư duy về tướng này tiến vào Tĩnh lực thứ hai.

Trong này, sở duyên dùng thanh của Tướng mà nói. Như duyên với Sắc uẩn, Tĩnh lực thứ nhất Đẳng vô gián duyên với Sắc uẩn, Tĩnh lực thứ hai hiện rõ ở trước mắt; duyên với uẩn khác cũng như vậy. Đó gọi là từ Đẳng trì rời ra mà không phải là sở duyên.

Hỏi: Tĩnh lực thứ hai cũng là Đẳng trì, vì sao nói là rời ra?

Đáp: Bởi vì địa khác nhau, vì thế cho nên trước đây nói dựa vào hai loại rời ra mà soạn luận, đó là địa và sở duyên.

2. Có lúc từ sở duyên rời ra mà không phải là Đẳng trì, đó là như có một người tư duy về tướng này tiến vào Tĩnh lực thứ nhất, người ấy không rời ra Tĩnh lực thứ nhất, lại tư duy về tướng khác.

Như duyên với Sắc uẩn, Tĩnh lực thứ nhất Đẳng vô gián duyên với Thọ uẩn, Tĩnh lực thứ nhất hiện rõ ở trước mắt; duyên với uẩn khác cũng như vậy. Đó gọi là từ sở duyên rời ra mà không phải là Đẳng trì.

3. Có lúc từ Đẳng trì rời ra mà cũng là sở duyên, đó là như có một người tư duy về tướng này tiến vào Tĩnh lực thứ nhất, người ấy tư duy về tướng khác tiến vào Tĩnh lực thứ hai.

Như duyên với Sắc uẩn, Tĩnh lực thứ nhất Đẳng vô gián duyên với Thọ uẩn, Tĩnh lực thứ hai hiện rõ ở trước mắt; duyên với uẩn khác cũng như vậy. Đó gọi là từ Đẳng trì rời ra mà cũng là sở duyên.

4. Có lúc không phải là từ Đẳng trì rời ra mà cũng không phải là sở duyên, đó là như có một người tư duy về tướng này tiến vào Tĩnh lực thứ nhất, an trú trải qua thời gian dài.

Như duyên với Sắc uẩn, Tĩnh lực thứ nhất chuyển đổi nối tiếp nhau trải qua thời gian dài hiện rõ trước mắt; duyên với uẩn khác cũng như vậy.

Như uẩn, không phải là uẩn cũng như vậy. Như Tĩnh lực thứ nhất, cho đến Vô sở hữu xứ cũng như vậy.

Lại có nghĩa khác, hỏi: Nếu từ Đẳng trì rời ra thì đó là hành tướng chăng? Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc từ Đẳng trì rời ra mà không phải là hành tướng, đó là như có một người dùng hành tướng này tiến vào Tĩnh lực thứ nhất, người ấy lại dùng hành tướng này tiến vào Tĩnh lực thứ hai.

Như hành tướng Vô thường của Tĩnh lực thứ nhất Đẳng vô gián, hành tướng Vô thường của Tĩnh lực thứ hai hiện rõ ở trước mắt; hành tướng khác cũng như vậy.

2. Có lúc từ hành tướng rời ra mà không phải là Đẳng trì, đó là như có một người dùng hành tướng này tiến vào Tĩnh lực thứ nhất, người ấy không rời ra Tĩnh lực thứ nhất, lại dấy lên hành tướng khác.

Như hành tướng Vô thường của Tĩnh lực thứ nhất Đẳng vô gián, hành tướng Khổ của Tĩnh lực thứ nhất hiện rõ ở trước mắt; hành tướng khác cũng như vậy.

3. Có lúc từ Đẳng trì rời ra mà cũng là hành tướng, đó là như có một người dùng hành tướng này tiến vào Tĩnh lực thứ nhất, dùng hành tướng khác tiến vào Tĩnh lực thứ hai.

Như hành tướng Vô thường của Tĩnh lực thứ nhất Đẳng vô gián, hành tướng Khổ của Tĩnh lực thứ hai hiện rõ ở trước mắt; hành tướng khác cũng như vậy.

4. Có lúc không phải là từ Đẳng trì rời ra mà cũng không phải là hành tướng, đó là như có một người dùng hành tướng này tiến vào Tĩnh lực thứ nhất, an trú trải qua thời gian dài.

Như hành tướng Vô thường của Tĩnh lực thứ nhất, chuyển đổi nối

tiếp nhau trải qua thời gian dài hiện rõ trước mắt; hành tướng khác cũng như vậy.

Như Tĩnh lực thứ nhất, cho đến Vô sở hữu xứ cũng như vậy.

Lại có nghĩa khác, hỏi: Nếu từ hành tướng rời ra thì đó là sở duyên chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc từ hành tướng rời ra mà không phải là sở duyên, đó là như có một người dùng hành tướng này tư duy về tướng này, người ấy không rời bỏ hành tướng này, lại dấy lên hành tướng khác.

Như duyên với Sắc uẩn, hành tướng Vô thường Đẳng vô gián duyên với Sắc uẩn, hành tướng Khổ hiện rõ ở trước mắt; duyên với uẩn khác-hành tướng khác cũng như vậy.

2. Có lúc từ sở duyên rời ra mà không phải là hành tướng, đó là như có một người dùng hành tướng này tư duy về tướng này, người ấy vẫn dùng hành tướng này lại tư duy về tướng khác.

Như duyên với Sắc uẩn, hành tướng Vô thường Đẳng vô gián duyên với Thọ uẩn, hành tướng Vô thường hiện rõ ở trước mắt; duyên với uẩn khác-hành tướng khác cũng như vậy.

3. Có lúc từ hành tướng rời ra mà cũng là sở duyên, đó là như có một người dùng hành tướng này tư duy về tướng này, lại dùng hành tướng khác tư duy về tướng khác.

Như duyên với Sắc uẩn, hành tướng Vô thường Đẳng vô gián duyên với Thọ uẩn, hành tướng Khổ hiện rõ ở trước mắt; duyên với uẩn khác-hành tướng khác cũng như vậy.

4. Có lúc không phải là từ hành tướng rời ra mà cũng không phải là sở duyên, đó là như có một người dùng hành tướng này tư duy về tướng này, an trú trải qua thời gian dài.

Như duyên với Sắc uẩn, hành tướng Vô thường chuyển đổi nối tiếp nhau trải qua thời gian dài hiện rõ trước mắt; duyên với uẩn khác-hành tướng khác cũng như vậy.

Như uẩn, không phải là uẩn cũng như vậy.

Như nói: “Tỳ kheo cho đến Định về Tướng có thể thông hiểu tôn chỉ của bậc Thánh.”

Hỏi: Đệ tử của Đức Thế Tôn sinh đến Phi tướng phi phi tướng xứ, ở đó dựa vào Định nào đạt được quả A-la-hán?

Đáp: Vô sở hữu xứ.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn làm cho người nghi ngờ có được quyết định.

Như trong kinh nói: “Cố bảy nơi dựa vào Định, Ta nói dựa vào đó có thể trừ hết các lậu, đó là Tĩnh lực thứ nhất cho đến Vô sở hữu xứ.” Lại trong kinh nói: “Tỳ kheo cho đến Định về Tưởng có thể thông hiểu tôn chỉ của bậc Thánh. Định về Tưởng, đó là bốn Tĩnh lực và ba Vô sắc; có thể thông hiểu tôn chỉ của bậc Thánh, đó là có thể khởi lên trí-đoạn phiền não, tu đạo-trừ hết lậu.” Hoặc có người sinh lòng nghi ngờ như vậy: Phi tưởng phi phi tưởng xứ đã không có Thánh đạo, nếu đệ tử của Đức Thế Tôn sinh đến cõi ấy, thì dựa vào đâu có thể trừ hết các lậu, sẽ không có ai đạt được quả A-la-hán, không nhờ vào Thánh đạo của chủng loại ấy chăng? Bởi vì làm cho mỗi nghi này được quyết định, cho nên nói là họ dựa vào Vô sở hữu xứ đạt được quả A-la-hán.

Lại nữa, bởi vì ngăn chặn Luận giả Phân Biệt nói là đến cõi Hữu Đảnh có A-la-hán. Vị ấy nói đệ tử của Đức Thế Tôn sinh đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, vào lúc mạng chung thì phiền não-nghiệp-mạng, cả ba sự việc cùng lúc trừ hết, đạt được quả A-la-hán không nhờ vào Thánh đạo. Bởi vì ngăn chặn ý ấy, hiển bày về trừ hết chứ không phải là cùng lúc, nhất định phải nhờ vào Thánh đạo, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Vì sao chỉ nói là dựa vào Vô sở hữu xứ, chứ không phải là nơi khác?

Đáp: Bởi vì nơi này gần gũi nhất với cõi Hữu Đảnh.

Hỏi: Sinh ở các địa dưới cũng có gần gũi với vô lậu của địa dưới, vì sao không nói dựa vào đó trừ hết lậu, mà chỉ nói là sinh ở cõi Hữu Đảnh?

Đáp: Trong các địa dưới có phiền não của địa mình, cho nên Thánh đạo của địa trên có thể dễ dàng hiện rõ trước mắt, chứ không phải là ở địa dưới. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì pháp thiện hệ thuộc địa dưới đều đã rời bỏ, cho nên Thánh đạo khó khởi lên, vì vậy không có người nào khởi lên hiện rõ trước mắt; sinh ở cõi Hữu Đảnh thì không như vậy, địa mình không có Thánh đạo, lại không có địa trên có thể nương tựa, không thể nào không do Thánh đạo mà có thể trừ hết lậu. Vì thế cho nên địa dưới tuy khó mà lại khởi lên. Nhưng Thánh đạo ấy do lực của nhân mạnh mẽ chứ không phải là lực của gia hạnh, tạm thời khởi lên hiện rõ trước mắt đoạn phiền não còn lại, đạt được quả A-la-hán rồi, giả sử trú trong thọ lượng trải qua tám vạn kiếp, rốt cuộc không dấy khởi trở lại, bởi vì không có tác dụng.

Như nói: “Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói: Nay các vị, tôi tự nhớ lại lúc trú trong Định của Vô sở hữu xứ, nghe bên hồ Mạn-đà-chỉ-ni có

tiếng gầm rống của rất nhiều voi chúa.”

Hỏi: Tôn giả ấy là đang còn Định mà nghe, hay là rời khỏi Định?

Đáp: Rời khỏi Định mà nghe, không phải là đang còn Định.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì làm cho người nghi ngờ có được quyết định. Như trong Tỳ-nại-da nói: “Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói với các Tỳ kheo rằng: Nay các vị, tôi tự nhớ lại lúc ở núi Thứu Phong trú trong Định của Vô sở hữu xứ, nghe bên hồ Mạn-đà-chỉ-ni có tiếng gầm rống của rất nhiều voi chúa. Lúc ấy các Tỳ kheo cùng nói với nhau rằng: Nay Đại Mục-kiền-liên này tự nói mình đạt được pháp hơn người, chắc chắn không có điều này, cần phải cùng nhau chỉ trích. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì người trú trong Tĩnh lự thứ nhất hãy còn không nghe tiếng, huống gì trú trong Định của Vô sở hữu xứ? Liền đem việc này thưa với Đức Phật. Lúc ấy Đức Phật bảo rằng: Các ông không nên chỉ trích Đại Mục-kiền-liên. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì Đại Mục-kiền-liên như Tưởng mà nói.” Trong Tỳ-nại-da tuy nói ra điều này mà không phân biệt, vì vậy hoặc có người nghi ngờ: Tôn giả ấy đang còn trong Định mà nghe tiếng. Bởi vì muốn làm cho mỗi nghi này được quyết định, hiển bày về Tôn giả ấy rời khỏi Định mà nghe tiếng, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Các Thanh văn khác cũng biết đang còn trong Định thì không nghe tiếng, cho nên hãy còn không có ai nói đến điều này, huống gì Đại Mục-kiền-liên là Thanh văn thù thắng nhất, vì sao ở giữa chúng Tỳ kheo nói ra điều không nên nói?

Đáp: Có người nói: Điều này không nhất định phải thông hiểu. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì đây là Tỳ-nại-da ngụy tạo, nghĩa là sau khi Đức Phật diệt độ có người đưa Tổ-đất-lãm ngụy tạo vào trong Tổ-đất-lãm, đưa Tỳ-nại-da ngụy tạo vào trong Tỳ-nại-da, đưa A-tỳ-đạt-ma ngụy tạo vào trong A-tỳ-đạt-ma, các văn cú ngụy tạo không cần phải giải thích thông suốt.

Có người nói: Biển Định rất sâu, Thanh văn như Thỏ không đến được đáy biển, chỉ có Đức Phật mới có năng lực thấu hiểu tận cùng, cho nên Tôn giả ấy tuy nói ra điều này mà cũng không có lỗi gì.

Hỏi: Tôn giả ấy lẽ nào không biết đang còn trong Định thì không nghe tiếng hay sao, vì sao nói ra lời nói như vậy?

Đáp: Tôn giả ấy tự tại đối với Định, tiến vào-rời ra vô cùng nhanh chóng, tuy rời khỏi Định mà nghe nhưng dấy lên Tưởng là trong Định. Nghĩa là Tôn giả ấy trước đó từ tâm thiện của cõi Dục tiến vào Tĩnh lự thứ nhất, từ Tĩnh lự thứ nhất tiến vào Tĩnh lự thứ hai, như vậy cho đến

tiến vào Vô sở hữu xứ. Từ Vô sở hữu xứ rời ra lại tiến vào Thức xứ, như vậy cho đến tiến vào Tĩnh lự thứ nhất, từ đây tâm thiện của cõi Dục hiện rõ trước mắt, nghe tiếng của voi chúa không khởi lên phân biệt. Lại vẫn từ tâm thiện của cõi Dục tiến vào Tĩnh lự thứ nhất, từ Tĩnh lự thứ nhất tiến vào Tĩnh lự thứ hai, như vậy cho đến tiến vào Vô sở hữu xứ. Từ Vô sở hữu xứ rời ra lại tiến vào Thức xứ, như vậy cho đến tiến vào Tĩnh lự thứ nhất, từ đây tâm thiện của cõi Dục hiện rõ trước mắt, không phân biệt tướng tận liền nói ra điều này: “Tôi tự nhớ lại lúc trú trong Định của Vô sở hữu xứ, nghe bên hồ Mạn-đà-chỉ-ni có tiếng gầm rống của rất nhiều voi chúa.” Lúc ấy chỉ khởi lên phân biệt nhận biết đối với hai tâm, đó là tâm ban đầu tiến vào Định và tâm sau khi rời khỏi Định, đối với sự nối tiếp của các tâm trung gian ấy, không phân biệt tướng tận cho nên nói ra điều này, cũng không có lỗi gì.

